

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DS-ST

Ngày: 24/01/2022

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Phương

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Trịnh Văn Lộc

Ông Nguyễn Việt Cường

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô, Thư ký Tòa án Nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án nhân dân sự thụ lý số: 134/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89A/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 74A/2021/QĐST-DS ngày 24/12/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm XXXX;

Địa chỉ: Số nhà Z, ấp P N, xã T P Đ, thành phố S Đ, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại theo ủy của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm XXXX;

Địa chỉ: Số nhà A, T V V, Khóm X, Phường Y, thành phố S Đ, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy lập ngày 16/12/2020, ông N có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm XXXX (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà TT, khóm K N, phường Kh H, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm XXXX (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà TT, khóm K N, phường Kh H, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/10/2020 cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

- Vào ngày 15 tháng 9 năm 2018, ông Nguyễn Văn H có vay của ông Nguyễn Văn T số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) và không tính lãi. Khi nhận tiền ông H có viết biên nhận nợ và hứa đến ngày 20/02/2019 sẽ trả số tiền nêu trên.

- Vào ngày 11 tháng 7 năm 2020, ông Nguyễn Văn H có vay của ông Nguyễn Văn T số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) để mua đất và không có tính lãi. Khi nhận tiền ông H cũng có viết biên nhận nợ và hứa sẽ trả luôn khoản tiền vay lần trước.

Ông Nguyễn Văn T yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị S liên đới trả số tiền nêu trên, nhưng ông H và bà S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông T.

Nay ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T là: 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 24/11/2021 và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông Nguyễn Văn H thừa nhận 02 tờ biên nhận vay tiền ghi ngày 15/9/2018 và ngày 11/7/2020 đúng là chữ viết và chữ ký của ông Nguyễn Văn H. Khi viết 02 tờ nhận nợ nêu trên là do ông Nguyễn Văn T đọc cho ông H ghi. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn H cho rằng có vay tiền của ông Nguyễn Văn T chỉ có vay nhiều lần, tổng cộng khoản 40.000.000 đồng.

Nay ông Nguyễn Văn H chỉ đồng ý trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền nhận thực tế là khoảng 40.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S trình bày:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp để kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật và triệu tập họp lệ đến lần thứ hai đối với bà Nguyễn Thị S, nhưng bà S có tình vắng mặt không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S chưa chấp hành tốt theo giấy triệu tập của Tòa án tại các phiên họp và các phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H. Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả tiền cho ông Nguyễn Văn T với số tiền là 270.000.000 đồng. Đề nghị

Hội đồng xét xử không chấp nhận buộc bà Nguyễn Thị S phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Nguyễn Văn H trả số tiền nêu trên cho ông Nguyễn Văn T. Do không có căn cứ chứng minh ông H vay số tiền nêu trên để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu trong gia đình.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T được chấp nhận, nên bị đơn ông Nguyễn Văn H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về pháp luật tố tụng:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ thanh toán tiền vay cho ông Nguyễn Văn T với số tiền là 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng). Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên theo quy định của pháp luật.

Về pháp luật nội dung:

[1] Vào ngày 15 tháng 9 năm 2018, ông Nguyễn Văn T có cho ông Nguyễn Văn H vay số tiền là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) và ngày 11/7/2020 ông T tiếp tục cho ông Nguyễn Văn H vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Tại thời điểm vay tiền ông Nguyễn Văn H có viết biên nhận nợ và bên cho vay không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc hợp đồng vay tiền giữa ông Nguyễn Văn T với ông Nguyễn Văn H thực tế có xảy ra và được các bên thừa nhận. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông Nguyễn Văn T không cần phải chứng minh.

[2] Xét thấy, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ thanh toán tiền vay cho ông Nguyễn Văn T với số tiền vay là 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với bị đơn Nguyễn Văn H cho rằng chỉ có vay nhiều lần của ông Nguyễn Văn T với số tiền khoảng 40.000.000 đồng. Để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ thì theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, ông H phải có nghĩa vụ chứng minh cho rằng chỉ có mượn của ông T số tiền đã nhận thực tế khoảng 40.000.000 đồng.

[4] Đối với số tiền nêu trên, ông Nguyễn Văn H cho rằng vay mục đích cá N, không liên quan đến bà Nguyễn Thị S. Đồng thời, ông Nguyễn Văn T không có căn cứ chứng minh ông H vay để phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Do đó, ông T yêu cầu bà Nguyễn Thị S phải liên đới cùng với ông Nguyễn Văn H trả số tiền nêu trên là chưa có căn cứ.

[4] Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H. Không chấp nhận yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bị đơn ông Nguyễn Văn H thanh toán nợ cho ông Nguyễn Văn T.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T được chấp nhận, nên bị đơn ông Nguyễn Văn H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Xét thấy, đề nghị của vị Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 và khoản 2 Điều 143; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 463, 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H. Không chấp nhận yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan bà Nguyễn Thị S phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bị đơn ông Nguyễn Văn H thanh toán nợ cho ông Nguyễn Văn T.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T số tiền là 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Nguyễn Văn H còn phải trả lãi cho ông Nguyễn Văn T theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H chịu là 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp với số tiền là 6.750.000 đồng (sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008443 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án nhân dân sự thành phố S Đ, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án nhân dân sự thì người được thi hành án nhân dân sự, người phải thi hành án nhân dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án nhân dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án nhân dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- VKSND TX VC;
- THADS TX V C;
- Phòng KTNV&THA
- TAND Tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Phương

